

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Khu vực phát triển đô thị
Khu vực I thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 8 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 143/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2022, Văn bản số 3930/SXD-QLHTĐT ngày 20 tháng 10 năm 2023, Văn bản số 4090/SXD-QLHTĐT ngày 27 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt khu vực phát triển đô thị với những nội dung chủ yếu sau:

- Tên khu vực phát triển đô thị: Khu vực phát triển đô thị Khu vực I, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan quản lý khu vực phát triển đô thị: Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị.
- Địa điểm, ranh giới, quy mô và tính chất khu vực phát triển đô thị
 - Địa điểm, ranh giới

Khu vực phát triển đô thị Khu vực I thị trấn Trảng Bom bao gồm toàn bộ các Khu phố 4, 5, một phần của các Khu phố 1, 2, 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và một phần của xã Đồi 61, huyện Trảng Bom, phạm vi ranh giới giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp địa phận các Khu phố 1, 2, 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và xã Sông Trầu.

- Phía Nam: Giáp xã Quảng Tiến và xã Đồi 61.

- Phía Đông: Giáp Khu công nghiệp Bàu Xéo.

- Phía Tây: Giáp Khu phố 3 thuộc thị trấn Trảng Bom và xã Quảng Tiến.

b) Quy mô: Khu vực phát triển đô thị Khu vực I thị trấn Trảng Bom có diện tích 510 ha.

c) Tính chất, các chức năng chính của khu vực

- Khu vực phát triển đô thị Khu vực I, thị trấn Trảng Bom có tính chất là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế - xã hội của huyện Trảng Bom và các khu ở hiện hữu nâng cấp cải tạo và xây dựng mới.

- Chức năng chính của dự án phát triển đô thị đề xuất:

+ Trung tâm hành chính mới của huyện và thị trấn Trảng Bom.

+ Nhóm nhà ở xây dựng mới.

+ Các khu công trình công cộng (y tế, văn hóa, giáo dục...) phục vụ nhóm nhà ở và toàn đô thị.

+ Công viên cây xanh đô thị.

+ Các công trình hỗn hợp, thương mại dịch vụ.

+ Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị và công trình đầu mối.

- Chức năng các dự án đầu tư thuộc khu vực phát triển đô thị được tổng hợp như sau:

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Diện tích (ha)	Chức năng
1	Dự án hạ tầng kỹ thuật khung (18 dự án)	20,38	- Đường giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo đường.
2	Dự án hạ tầng xã hội khung (09 dự án)	43,03	- Trung tâm hành chính mới của huyện và thị trấn Trảng Bom. - Trung tâm văn hóa tổ chức sự kiện huyện. - Nhà ở xã hội. - Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị. - Bệnh viện đa khoa xây dựng mới. - Công viên cây xanh đô thị.
3	Dự án phát triển đô thị (14	62,19	- Nhóm nhà ở xây dựng mới.

dự án)		- Đất phát triển thương mại dịch vụ. - Cây xanh công viên khu ở.
TỔNG CỘNG: 41 dự án	125,6	

d) Danh mục các dự án trong khu vực phát triển đô thị

- Dự án hạ tầng kỹ thuật khung: Phụ lục I.
- Dự án hạ tầng xã hội khung: Phụ lục II.
- Dự án phát triển đô thị: Phụ lục III.

4. Thời hạn thực hiện dự kiến

Thời hạn thực hiện dự kiến trong 2 giai đoạn:

- a) Giai đoạn 1: đến năm 2025.
- b) Giai đoạn 2: từ năm 2026 đến năm 2030.

5. Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị

a) Sơ bộ khái toán

- Khái toán sơ bộ tổng vốn đầu tư khu vực phát triển đô thị Khu vực I theo giai đoạn của cả 3 nhóm dự án: Hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng xã hội khung và dự án phát triển đô thị như sau:

- + Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 1.636,1 tỷ đồng.
- + Giai đoạn 2 (2026-2030): 1.335,0 tỷ đồng.

- Phân chia nguồn vốn đầu tư: Các dự án được dự kiến phân nguồn vốn (ngân sách hoặc xã hội hóa) với tổng khái toán của cả 3 nhóm dự án như sau:

+ Ngân sách Nhà nước: 1.490.493.400 đồng (ngân sách tỉnh khoảng 382,4 tỷ đồng, ngân sách huyện khoảng 1.108,1 tỷ đồng), bao gồm:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 754.713.700.000 đồng.
- Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 735.779.700.000 đồng.

+ Nguồn vốn kêu gọi đầu tư, xã hội hóa: 1.480.604.000.000 đồng, bao gồm:

- Giai đoạn 1 (đến năm 2025): 881.379.000.000 đồng.
- Giai đoạn 2 (từ năm 2026 đến năm 2030): 599.225.000.000 đồng.

b) Dự kiến các nguồn lực đầu tư

Nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị đề xuất từ các nguồn sau:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước, xã hội hóa, trái phiếu.
- Nguồn vốn của các nhà đầu tư huy động đầu tư các dự án phát triển đô thị.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

(Bảng tổng hợp Sơ bộ khái toán, dự kiến các nguồn lực đầu tư đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom và các đơn vị liên quan tổ chức công bố hồ sơ đề xuất Khu vực phát triển đô thị và quản lý thực hiện Khu vực phát triển đô thị theo đúng quy định hiện hành.

b) Quản lý, giám sát, phối hợp trong việc triển khai kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị.

c) Định kỳ hằng năm rà soát, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai Quyết định này.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh xem xét chọn đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý để thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo khoản 6 Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch đầu tư

a) Cung cấp thông tin và hướng dẫn các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án phát triển đô thị.

b) Rà soát bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn ngân sách tỉnh theo giai đoạn để tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

b) Tổ chức triển khai thực hiện các công việc liên quan đến khu vực phát triển đô thị trên địa bàn quản lý theo đúng quy định hiện hành.

c) Phối hợp Sở Xây dựng công khai, công bố khu vực phát triển đô thị được phê duyệt.

d) Hằng năm trước ngày 15 tháng 12 rà soát, tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng tình hình, kết quả triển khai thực hiện các dự án trong khu vực phát triển đô thị và định hướng kế hoạch cho năm tiếp theo.

đ) Định kỳ hằng năm thực hiện rà soát các dự án trong khu vực phát triển đô thị để đề xuất điều chỉnh, bổ sung vào danh mục các dự án.

4. Các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông vận tải, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh; Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom phối hợp với Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị trong việc triển khai thực hiện khu vực phát triển đô thị liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động Thương binh và Xã hội, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đồng Nai; Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý khu vực phát triển đô thị; Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, KTN;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH**



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

DỰ ÁN HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Giai đoạn thực hiện
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	
1	HTKT-01: Đường D6 (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	923	27,0	24.921	2021-2030
2	HTKT-02: Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	411	18,0	7.398	2021-2025
3	HTKT-03: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến QL1A)	623	18,0	11.214	
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	451	19,0	8.569	
5	HTKT-05: Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ và đoạn nối Khu công nghiệp Bàu Xéo)	1.240	19,0	23.560	2021-2030
6	HTKT-06: Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	883	20,5	18.101,5	2021-2025
7	HTKT-07: Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ Trương Văn Bang đến Lê Hồng Phong)	602	17	10.234	
8	HTKT-08: Nâng cấp đường Hà Huy Tập	288	17	4.896	
9	HTKT-09: Đường Điện Biên Phủ	302	17	5.134	
10	HTKT-10: Đường 3/2 (đoạn Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Linh)	246	20,5	5.043	2021-2030
11	HTKT-11: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su và đoạn qua Trung tâm khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Nam bộ)	430	19	8.170	
12	HTKT-12: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thị trấn Trảng Bom)	1.793	30	53.790	
13	HTKT-13: Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nguyễn Văn Nghĩa)	342	20,5	7.011	2021-2030
14	HTKT-14: Đường khu vực K2-8 (từ Lê Duẩn đến Khu dân cư Bàu Xéo)	566	17	9.622	2026-2030
15	HTKT-15: Đường D1 (Trục dọc trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo) đoạn thuộc thị trấn Trảng Bom	361	17	6.137	2021-2030
16	HTKT-16: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	Trạm xử lý nước thải công suất 2000 m ³ /ngày và hệ thống đường cống thu gom			2021-2025
17	HTKT-17: Dự án hạ ngầm hạ tầng kỹ thuật trên 3 trục đường chính: Đường 30/4, đường Hùng Vương và đường 3/2	Hạ ngầm hệ thống cáp điện, thông tin trên 3 tuyến đường chính của thị trấn, tổng chiều dài 3 tuyến đường là 7 km			2021-2030
18	HTKT-18: Dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61				2021-2025
Tổng cộng		9.461		203.800,5	



Phụ lục II

DỰ ÁN HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Quy mô	Giai đoạn thực hiện
1	HTXH-01: Trung tâm hành chính mới	4,00	32.000 m ² sàn	2026-2030
2	HTXH-02: Trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom	0,45		2021-2025
3	HTXH-03: Công viên trung tâm thị trấn Trảng Bom	2,80		2021-2030
4	HTXH-04: Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện huyện	3,27		2021-2025
5	HTXH-05: Dự án nhà ở xã hội (Khu đất trước kia là Trường cao đẳng nghề số 8)	9,00		2021-2030
6	HTXH-06: Xây mới trường Trung học phổ thông và trường dạy nghề tại khu đất 7 ha thuộc dự án trường Cao đẳng KTKT Đinh Tiên Hoàng cũ	7,06	1500 học viên	2021-2025
7	HTXH-07: Bệnh viện đa khoa (kêu gọi đầu tư xây dựng mới)	9,60	500 giường bệnh	2021-2030
8	HTXH-08: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Khu dân cư thị trấn Trảng Bom)	3,35		2021-2025
9	HTXH-09: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo)	3,50		
	Tổng	43,03		



Phụ lục III

CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Giai đoạn thực hiện
I	Khu vực thị trấn Trảng Bom		59,04	
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở	10,70	2021-2025
2	Dự án PTĐT-DA02	Nhóm nhà ở	1,50	
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	12,50	
4	Dự án PTĐT-DA04	Nhóm nhà ở (bao gồm cả trường mầm non)	5,88	
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở, công cộng khu ở	10,32	
6	Dự án PTĐT-DA06	Nhóm nhà ở	7,02	
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất TMDV	2,20	
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	3,10	
9	Dự án PTĐT-DA09	Nhóm nhà ở (dự án khu nhà ở công nhân)	1,20	
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	0,30	
11	Dự án PTĐT-DA11	Thương mại dịch vụ (Khu đất UBND huyện hiện hữu)	3,50	
12	Dự án PTĐT-DA12	Thương mại dịch vụ (Dự án khách sạn 3 sao)	0,61	
13	Dự án PTĐT-DA13- Công viên cây xanh khu phố 2, thị trấn Trảng Bom	Công viên cây xanh	0,21	2026-2030
II	Khu vực Đồi 61		3,15	
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở	3,15	2021-2025
	Tổng cộng		62,19	



BẢNG: SƠ BỘ KHAI TOÁN, DỰ KIẾN CÁC NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ
Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

I. DỰ ÁN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (18 dự án):

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Cơ sở thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng					
1	HTKT-01: Đường D6 (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trảng Bom - Xuân Lộc)	923	27,0	24.921	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			130.162,6	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
2	HTKT-02: Đường Hai Bà Trưng (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường D6)	411	18,0	7.398	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			14.701,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 2757/QĐ-UBND ngày 30/06/2021	1
3	HTKT-03: Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ Nguyễn Tri Phương đến QL1A)	623	18,0	11.214	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			24.711,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 06601/QĐ-UBND ngày 08/09/2021; QĐ 903/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	1
4	HTKT-04: Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cảnh đến đường Hùng Vương)	451	19,0	8.569	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			55.083,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 2029/QĐ-UBND ngày 23/05/2017	1
5	HTKT-05: Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến Nguyễn Hoàng; đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ và đoạn nối Khu công nghiệp Bầu Xéo)	1.240	19,0	23.560	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh và huyện			200.245,7	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện	QĐ 2888/QĐ-UBND ngày 14/08/2020	1
6	HTKT-06: Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến Nam Kỳ Khởi Nghĩa)	883	20,5	18.101,5	Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh và huyện			68.022,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách tỉnh và huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
7	HTKT-07: Đường Cách Mạng Tháng Tám (đoạn từ Trương Văn)	602	17	10.234	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			24.300,0		Nguồn vốn ngân sách	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật Khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Công					
	Bang đến Lê Hồng Phong)											
8	HTKT-08: Nâng cấp đường Hà Huy Tập	288	17	4.896	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			4.500,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
9	HTKT-09: Đường Điện Biên Phủ	302	17	5.134	1,05	0,5	1,55	7.957,7	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
10	HTKT-10: Đường 3/2 (đoạn Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Linh)	246	20,5	5.043	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			21.000,0		Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 897/QĐ-UBND ngày 01/04/2016	1
11	HTKT-11: Đường 29/4 (đoạn trước Nông trường Cao su và đoạn qua Trung tâm khoa học sản xuất lâm nghiệp Đông Nam bộ)	430	19	8.170	Theo kế hoạch đầu tư công huyện và đơn giá xây dựng mới			56.238,2	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 1573/QĐ-UBND ngày 29/04/2020	2
12	HTKT-12: Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thị trấn Trảng Bom)	1.793	30	53.790	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			81.743,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	NQ 114/NQ-HĐND ngày 12/11/2019	1
13	HTKT-13: Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nguyễn Văn Nghĩa)	342	20,5	7.011	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			19.000,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
14	HTKT-14: Đường khu vực K2-8 (từ Lê Duẩn đến Khu dân cư Bàu Xeo)	566	17	9.622	1,05	0,5	1,55	14.914,1	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
15	HTKT-15: Đường D1 (Trục dọc trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xeo) đoạn thuộc thị trấn Trảng Bom	361	17	6.137	Theo kế hoạch đầu tư công huyện			27.287,1	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	2
16	HTKT-16: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng	Trạm xử lý nước thải công suất 2000 m ³ /ngđ và hệ			Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh			98.409,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1

STT	Tên dự án hạ tầng kỹ thuật khung	Khối lượng			Đơn giá (Triệu đồng/m ²)			Thành tiền (Triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giao thông	Hạ tầng kỹ thuật	Cộng					
	Bom giai đoạn ưu tiên	thông đường công thu gom										
17	HTKT-17: Dự án hạ ngầm hạ tầng kỹ thuật trên 3 trục đường chính: Đường 30/4, đường Hùng Vương và đường 3/2	Hạ ngầm hệ thống cấp điện, thông tin trên 3 tuyến đường chính của thị trấn, tổng chiều dài 3 tuyến đường là 7km					10 tỷ/km đường	70.000,0	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện		2
18	HTKT-18: Dự án Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61						Theo kế hoạch đầu tư công tỉnh	88.920,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách tỉnh	QĐ 4533/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	1
	Tổng	9.461,0		203.800,5				1.007.194,4				

II. DỰ ÁN HỆ THỐNG HẠ TẦNG XÃ HỘI KHUNG KHU VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (09 Dự án)

ST T	Tên dự án hạ tầng xã hội khung	Diện tích (ha)	Quy mô	Đơn giá	Thành tiền (triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức, nguồn vốn đầu tư	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
1	HTXH-01: Trung tâm hành chính mới	4,00	32.000 m ² sân	10,50 tr/m ² sân	336.000,0	2026-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện (đầu giá trị số hiện nay)		4
2	HTXH-02: Trụ sở UBND thị trấn Trảng Bom	0,45		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	21.000,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
3	HTXH-03: Công viên trung tâm thị trấn Trảng Bom	2,80		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	55.878,0	2021-2030	Nguồn vốn ngân sách huyện	QĐ 1387/QĐ-UBND ngày 05/5/2016	1
4	HTXH-04: Trung tâm văn hóa và tổ chức sự kiện huyện	3,27		Theo kế hoạch đầu tư công huyện	55.508,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	97/NQ-HĐND ngày 14/12/2018	(Đã cơ bản hoàn thành)
5	HTXH-05: Dự án nhà ở xã hội (Khu đất trước kia là Trường cao đẳng nghề số 8)	9,00		8.450 (tr./đ/ha)	76.050,0	2021-2030	Xã hội hóa		2
6	HTXH-06: Xây mới trường Trung học phổ thông và trường dạy nghề tại khu đất 7ha thuộc dự án trường Cao đẳng KTKT Đinh Tiên Hoàng cũ	7,06	1500 học viên	66,23 tr/học viên	99.345,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
7	HTXH-07: Bệnh viện đa khoa (kêu gọi đầu tư xây dựng mới)	9,60	500 giường bệnh	1,309 tỷ đồng/giường	654.500,0	2021-2030	Xã hội hóa		1
8	HTXH-08: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Khu dân cư thị trấn Trảng Bom)	3,35		8.450 (tr./đ/ha)	28.307,5		Xã hội hóa		1
9	HTXH-09: Dự án nhà ở xã hội (Thuộc dự án Trung tâm Dịch vụ Khu công nghiệp Bầu Xéo)	3,50		8.450 (tr./đ/ha)	29.575,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
Tổng		43,03			1.356.163,5				

III. CÁC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ (14 dự án)

STT	Tên khu vực phát triển đô thị, dự án phát triển đô thị	Chức năng	Diện tích (ha)	Đơn giá xây dựng	Thành tiền (triệu đồng)	Giai đoạn thực hiện	Hình thức đầu tư/nguồn vốn	Căn cứ thực hiện dự án/Quyết định chủ trương đầu tư	Ưu tiên đầu tư từ cao đến thấp (tương ứng từ 1-4)
Khu vực Thị trấn Trảng Bom									
1	Dự án PTĐT-DA01	Nhóm nhà ở	10,70	8.450 (tr.đ/ha)	90.415,0		Xã hội hóa		1
2	Dự án PTĐT-DA02	Nhóm nhà ở	1,50	8.450 (tr.đ/ha)	12.675,0		Xã hội hóa		1
3	Dự án PTĐT-DA03	Nhóm nhà ở	12,50	8.450 (tr.đ/ha)	105.625,0		Xã hội hóa		1
4	Dự án PTĐT-DA04	Nhóm nhà ở (bao gồm cả trường mầm non)	5,88	8.450 (tr.đ/ha)	49.686,0		Xã hội hóa		1
5	Dự án PTĐT-DA05	Nhóm nhà ở, công cộng khu ở	10,32	8.450 (tr.đ/ha)	87.204,0	2021-2025	Xã hội hóa		1
6	Dự án PTĐT-DA06	Nhóm nhà ở	7,02	8.450 (tr.đ/ha)	59.319,0		Xã hội hóa		1
7	Dự án PTĐT-DA07	Đất TMDV	2,20	8.450 (tr.đ/ha)	18.590,0		Xã hội hóa		1
8	Dự án PTĐT-DA08	Nhóm nhà ở	3,10	8.450 (tr.đ/ha)	26.195,0		Xã hội hóa		1
9	Dự án PTĐT-DA09	Nhóm nhà ở (dự án khu nhà ở công nhân)	1,20	8.450 (tr.đ/ha)	10.140,0		Xã hội hóa		1
10	Dự án PTĐT-DA10	Nhóm nhà ở	0,30	8.450 (tr.đ/ha)	2.535,0		Xã hội hóa		1
11	Dự án PTĐT-DA11	Thương mại dịch vụ (Khu đất UBND huyện hiện hữu)	3,50	8.450 (tr.đ/ha)	29.575,0	2026-2030	Xã hội hóa		4
12	Dự án PTĐT-DA12	Thương mại dịch vụ (Dự án khách sạn 3 sao)	0,61	495 (tr.đ/giường)	74.250,0		Xã hội hóa		1
13	Dự án PTĐT-DA13- Công viên cây xanh khu phố 2, thị trấn Trảng Bom	Công viên cây xanh	0,21	Theo kế hoạch đầu tư công huyện	14.913,0	2021-2025	Nguồn vốn ngân sách huyện	QB 8537/QĐ-UBND ngày 06/11/2021	1
Khu vực Đồi 61									
14	Dự án PTĐT-DA14	Nhóm nhà ở	3,15	8.450 (tr.đ/ha)	26.617,5	2021-2025	Xã hội hóa		1
Tổng cộng			62,19		607.739,5				